TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 9 - 2025
V/v Chia tài sản chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Mỹ Linh

Ông Bùi Đức Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin – Kiểm Sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thi Ph, sinh năm: 1989. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, , khóm K, phường L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau). Có mặt

Căn cước công dân: 037189001920

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Duy P, sinh năm: 1979. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường Phan Văn Xoàn, khóm V, phường L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm 24, phường A, tỉnh Cà Mau). Có mặt

Căn cước 024079009679

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Số A, đường B, khóm L, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm 20, phường T, tỉnh Cà Mau). Có mặt

Căn cước công dân: 036169018479

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Số G đường T, khóm L, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm 20, phường T, tỉnh Cà Mau). Có mặt

Căn cước công dân: 096151000249

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị Ph trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Bà với ông Nguyễn Duy P đã ly hôn theo Quyết định số 203/2024/QDST - HNGĐ ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau. Tại Quyết định ly hôn nêu trên thì về tài sản chung ông bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, đến nay không thỏa thuận được việc chia tài sản chung. Nay bà khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản chung là Quyền sử dụng đất thửa 1123, tờ bản đồ 28, tọa lạc phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau), trị giá 700.000.000 đồng, bà yêu cầu được nhận 350.000.000 đồng, ông Phương được nhận phần đất. Đối với căn nhà cấp 4 trên đất, bà xác định không yêu cầu chia, bà đồng ý giao ông P nhận và sở hữu. Đối với ý kiến của ông P chỉ đồng ý chia cho bà 170.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà xác định nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất là do bà và ông P đóng góp mỗi người 450.000.000 đồng từ tiền tích góp có được. Việc ông P, bà K, bà T cho rằng bà không đóng góp là không đúng. Bà không biết việc bà K cho ông P 500.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng đất, bà không nhận khoản tiền này. Đối với khoản nợ 362.000.000 đồng mà ông P trình bày khoản nợ vay thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên từ bà T để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng đất, thì bà không biết, không nhận số tiền này, nên đây là nợ riêng của ông P, bà không đồng ý cùng thanh toán.

Ông Nguyễn Duy P trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Ông thống nhất với trình bày của bà Ph về thời gian ly hôn và thỏa thuận về tài sản khi ly hôn; thống nhất về tài sản chung có phần đất như trình bày của bà Ph. Tại biên bản hòa giải ông xác định ông chỉ đồng ý chia cho bà Ph giá trị đất là 250.000.000 đồng, không đồng ý chia 350.000.000 đồng với lý do hiện nay giá đất chỉ còn khoảng 700.000.000 đồng và do trong thời gian hai năm nay ông vay tiền để xây nhà và nhận chuyển nhượng đất số tiền 362.000.000 đồng của bà Ngô Thị T đến nay còn nợ gốc chưa thanh toán khoản nào, chỉ thanh toán được lãi hàng tháng. Tại phiên tòa, ông xác định bà Ph không đóng góp tiền nhận chuyển nhượng đất 450.000.000 đồng như bà ph trình bày; nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất là do ông vay của bà T và mẹ ruột ông là bà K cho riêng ông 500.000.000 đồng, việc vay tiền và cho tiền thì bà Ph biết nhưng chỉ không ký biên nhận vay tiền của bà T và văn bản cho tiền từ bà K. Ông chỉ đồng ý chia cho bà Ph 170.000.000 đồng, không đồng ý theo yêu cầu của bà Ph, yêu cầu bà Ph thanh toán 50% khoản nợ của bà T.

Hiện nay trên phần đất này chỉ có ông sinh sống, ngoài ra, không còn ai sinh sống. Hiện trạng trên đất hiện nay có căn nhà cấp 4 gác lững, ông xác định không yêu cầu giải quyết về căn nhà, là tài sản riêng của ông, đồng ý với ý kiến bà Ph là giao cho

ông được nhận và sở hữu căn nhà nêu trên. Ông thống nhất giá trị đất là 700.000.000 đồng.

Bà Ngô Thị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 06/7/2025, bà cho ông Nguyễn Duy P vay số tiền 362.000.000 đồng để ông Ph thanh toán tiền nhận chuyển nhượng phần đất mà hiện nay ông P và bà Ph đang yêu cầu chia tài sản chung, khi vay tiền ông P viết biên nhận nợ cho bà và giao cho bà giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Duy P và bà Phạm Thị Phương Ph để đảm bảo thanh toán nợ cho bà. Bà xác định tiền cho ông P vay là tiền riêng của bà, không phải tài sản chung của vợ chồng bà (chồng bà là ông Nguyễn Văn H, cùng địa chỉ cư trú với bà), đến nay ông P vẫn chưa thanh toán nợ gốc cho bà, chỉ thanh toán nợ lãi hàng tháng. Bà xác định bà không khởi kiện yêu cầu ông P thanh toán khoản nợ trên. Trường hợp có tranh chấp bà sẽ khởi kiện vụ án khác. Đối với sự việc tranh chấp tài sản chung giữa ông P và bà Ph thì bà biết tiền nhận chuyển nhượng phần đất là do ông P vay tiền của bà 362.000.000 đồng và bà K là mẹ của ông P cho 500.000.000 đồng để thanh toán, bà Ph không đóng góp khoản nào như bà Ph trình bày.

Bà Nguyễn Thị K trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Vào năm 2023, khi con bà là Nguyễn Duy P nhận chuyển nhượng phần đất mà hiện nay đang yêu cầu chia tài sản chung thì bà có cho Duy P số tiền 500.000.000 đồng, ngoài ra Duy P có vay thêm của bà T 362.000.000 đồng để thanh toán tiền chuyển nhượng, bà Ph không đóng góp khoản tiền nào như bà Ph trình bày. Việc bà cho tiền Duy P như trên thì nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Quan Điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn, giao ông Nguyễn Duy P được nhận quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất phần đất diện tích 100m^2, thửa số 1123, tờ bản đồ 28, tọa lạc phường A, tỉnh Cà Mau. Buộc ông P thanh toán 50% giá trị phần đất là 350.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Ph. Đối với căn nhà cáp 4 trên đất do các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Đối với khoản nợ của bà T, do bà T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không xem xét, giải quyết. Án phí, chi phí tố tụng xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đối với ông Nguyễn Văn H là chồng của bà T xác định tiền bà T cho ông P vay là tiền riêng của bà T, không liên quan đến ông và xin không tham gia tố tụng trong vụ

án. Do đó, Tòa án không đưa ông H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với tài sản là phần đất diện tích 100m^2 tại thửa 1123, tờ bản đồ 28, tọa lạc phường A, tỉnh Cà Mau như phần trình bày, bà Ph yêu cầu được nhận số tiền 350.000.000 đồng, giao cho ông P nhận, quản lý, sử dụng phần đất và căn nhà cấp 4 trên đất. Hội đồng xét xử thấy rằng, về nguồn gốc phần đất là do ông P và bà Ph nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Út X và bà Dương Thị Ng vào năm 2023 và đã được cấp giấy chứng nhận ngày 30/8/2023 do ông P và bà Ph đứng tên, ông P và bà Ph đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2023. Do đó có căn cứ xác định quyền sử dụng đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông P và bà Ph được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nên là tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa bà Ph xác định bà đóng góp 450.000.000 đồng, ông P xác định bà Ph không góp khoản nào, mà tiền do mẹ ông cho 500.000.000 đồng, và vay của bà T 362.000.000 đồng. Bà T và bà K thống nhất ý kiến ông P, bà Ph xác định bà không biết, không nhận hai khoản tiền trên từ bà T và bà K. Tuy nhiên, ngoài trình bày của mình ông P không cung cấp chứng cứ chứng minh, nên trình bày của ông P không có cơ sở chấp nhận. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Ph, chia cho ông P được nhận, quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất nêu trên, bà Ph được nhận 50% giá trị quyền sử dụng đất là 350.000.000 đồng (giá theo các đương sự thỏa thuận thống nhất), ông P nhận đất, nên buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ph 350.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với căn nhà cấp 4 trên đất các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên ông xem xét giải quyết là có căn cứ.

[4] Nợ chung: Tại phiên tòa ông P xác định có nợ bà T 362.000.000 đồng, yêu cầu bà Ph cùng thanh toán cho bà T khoản nợ trên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông P và bà Ph đều xác định khoản nợ này là nợ riêng của ông P, không phải nợ chung, ông P đồng ý ông có nghĩa vụ thanh toán. Mặt khác, bà Ngô Thị T không yêu cầu độc lập yêu cầu ông P, bà Ph thanh toán khoản nợ trên trong vụ án này, nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc số tiền 2000.000 đồng, bà Ph nhận nộp toàn bộ, đã nộp xong.

[6] Án phí dân sự có giá ngạch: Các đương sự phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ph, về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn.

- Giao ông Nguyễn Duy P được nhận quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 100m^2, thửa 1123, tờ bản đồ 28, loại đất tọa lạc phường A, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 778222, được Văn phòng đăng ý đất đai tỉnh Cà Mau cấp ngày 30/8/2023 đứng tên Nguyễn Duy P và Phạm Thị Ph.

- Buộc ông Nguyễn Duy P thanh toán cho bà Phạm Thị Ph số tiền 350.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Duy P không thanh toán xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải nộp 17.500.000 đồng, ông P chưa nộp, nộp tại Cơ quan hi hành án có thẩm quyền. Ngày 24/02/2025 bà Ph nộp tiền tạm ứng án phí 8.750.000 đồng theo biên lai thu số 0010375 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, đối trừ bà Ph tiếp tục nộp 8.750.000 đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hân